

Số: 23/TB-BKHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO

Tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-BKHĐT ngày 28/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tổ chức tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê như sau:

I. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có trình độ chuyên môn đào tạo phù hợp với vị trí tuyển dụng quy định tại Phần II của Thông báo này;
- đ) Có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học Văn phòng như sau:

- Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: tiếng Anh trình độ B, TOEFL 337 PBT trở lên, 34 iBT trở lên; IELTS 3.5 trở lên, TOEIC 400 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên; hoặc có chứng chỉ tiếng Anh với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Riêng vị trí Văn thư ngạch cán sự: yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A, TOEFL 24 iBT trở lên; IELTS 2.5 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A1 khung Châu Âu trở lên; hoặc có chứng chỉ tiếng Anh với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có chứng chỉ Tin học Văn phòng trình độ B trở lên hoặc có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

e) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

g) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng

3.1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

3.2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG, VỊ TRÍ, YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM DỰ TUYỂN

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê là 537 chỉ tiêu, trong đó chỉ tiêu thi tuyển là 529 chỉ tiêu, chỉ tiêu xét tuyển là 8 chỉ tiêu. Chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng theo từng Vị trí của Phòng/Chi cục Thống kê cấp huyện của Cục Thống kê cấp tỉnh tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 của Thông báo này.

Yêu cầu về trình độ, chuyên ngành đào tạo theo từng vị trí tuyển dụng như sau:

STT	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Yêu cầu trình độ và chuyên môn nghiệp vụ
A	Thi tuyển (I+II)		
I	Công chức loại C		
1	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Vị trí tuyển dụng từ 1 đến 9: Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình

2	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	độ đại học là: thống kê kinh tế-xã hội, kinh tế, toán ứng dụng trong kinh tế, toán tài chính, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, kinh tế kế hoạch, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, tài chính – ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hệ thống thông tin quản lý, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp.
3	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	
4	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	
5	Thống kê thương mại	Thống kê viên	
6	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	
7	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	
8	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	
9	Thống kê xã hội	Thống kê viên	
10	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	
11	Văn thư	Chuyên viên	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.
12	Kế toán	Kế toán viên	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: kế toán, kiểm toán.
II Công chức loại D			
1	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên cao đẳng	Vị trí tuyển dụng từ Idền 7: Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên; chuyên ngành Thống kê.
2	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên cao đẳng	
3	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên cao đẳng	
4	Thống kê thương mại	Thống kê viên cao đẳng	
5	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên cao đẳng	
6	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	
7	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	

8	Văn thư	Cán sự	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên; chuyên ngành Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.
B	Xét tuyển công chức loại C		
1	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: thống kê kinh tế-xã hội, kinh tế, toán ứng dụng trong kinh tế, toán tài chính, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, kinh tế kế hoạch, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, tài chính – ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hệ thống thông tin quản lý, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp.

III. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh bao gồm:

- (1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu (Phụ lục 4 hoặc Phụ lục 5);
- (2) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (có dán ảnh, có dấu giáp lai ảnh) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- (3) Bản sao Giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
- (4) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, gồm có:

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm đăng ký dự tuyển tại Phần II. Đối với thí sinh mới tốt nghiệp, nếu chưa có bằng có thể sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp của cơ sở đào tạo trong thời gian chờ cấp bằng chính thức. Nếu trúng tuyển phải nộp 01 bản sao bằng tốt nghiệp cho cơ quan nơi nhận hồ sơ dự tuyển. Nếu văn bằng chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

- Phiếu điểm kết quả học tập;
- Chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định tại Mục 1 Phần I
- Chứng chỉ Tin học văn phòng theo quy định tại Mục 1 Phần I.

Khi trúng tuyển thí sinh phải xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ nêu trên để Tổng cục Thống kê thẩm tra, xác minh trước khi ra quyết định tuyển dụng.

(5) Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh) do cơ sở y tế đa khoa cấp huyện và tương đương trở lên cấp trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

(6) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

(7) Bốn (04) phong bì dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận và số điện thoại liên lạc, hai (02) ảnh màu cỡ 4x6 mới chụp trong vòng 06 tháng trở lại đây.

(8) Danh mục Hồ sơ theo Mẫu.

2. Hồ sơ dự tuyển của từng cá nhân được bỏ vào túi hồ sơ cỡ 24 cm x 32 cm. Ghi rõ họ tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại và địa chỉ liên lạc trên túi hồ sơ. Không trả lại hồ sơ đối với các hồ sơ không đạt yêu cầu, thí sinh không trúng tuyển.

3. Trong kỳ Tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một vị trí việc làm của một Phòng/Chi cục Thống kê cấp huyện thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh, do đó chỉ lập và nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Mục 1 Phần III, nếu vi phạm sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng.

4. Người đăng ký dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Nếu người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển, giả mạo hồ sơ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển, bị xử lý theo quy định và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ 8 giờ đến 11 giờ từ ngày 22/4 đến 07/5/2019 (trừ thứ 7, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định). Các trường hợp nộp sau thời gian nói trên đều không hợp lệ.

- Nơi nhận hồ sơ: nộp hồ sơ, lệ phí dự tuyển tại trụ sở Cục Thống kê cấp tỉnh đăng ký dự tuyển hoặc trụ sở cơ quan Tổng cục Thống kê.

- Người dự tuyển phải trực tiếp đến nộp hồ sơ, không tiếp nhận nhận hồ sơ do người khác nộp thay hoặc hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- Chỉ tiếp nhận các hồ sơ đầy đủ theo quy định, có Giấy biên nhận hồ sơ.

6. **Lệ phí dự tuyển:** 300.000 đồng/thí sinh đăng ký dự tuyển (theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức). Trường hợp đăng ký mà không dự tuyển sẽ không được hoàn trả lệ phí dự tuyển.

IV. TUYỂN DỤNG THÔNG QUA THI TUYỂN

1. Đối tượng thi tuyển

Người đăng ký dự tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê phải thi tuyển trừ trường hợp được xét tuyển theo quy định tại Mục 1 Phần V Thông báo này.

2. **Nội dung, hình thức, thời gian thi tuyển, cách thức tính điểm và thời gian thực hiện:** Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi:

2.1 Vòng 1: gồm 3 Phần thi trắc nghiệm trên giấy, nội dung cụ thể như sau:

- Phần 1 Kiến thức chung: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công

chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực dự tuyển; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

- Phần 2 Ngoại ngữ: 30 câu hỏi Tiếng Anh theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 30 phút.

- Phần 3 Tin học: 30 câu hỏi Tin học theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, kiến thức về sử dụng hệ điều hành Windows, các ứng dụng Word, Excel, Powerpoint của bộ phần mềm Microsoft Office, email. Thời gian thi 30 phút.

- Cách tính điểm: Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp Vòng 2.

2.2 Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Thi viết.

- Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Thời gian thi: 180 phút.

- Thang điểm: 100 điểm.

3. Điều kiện miễn thi Ngoại ngữ, Tin học tại Vòng 1: Người đăng ký dự tuyển công chức được miễn thi Ngoại ngữ hoặc Tin học trong các trường hợp sau:

3.1 Miễn thi Ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngôn ngữ Anh;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng Anh ở Việt Nam.

- Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

3.2 Miễn thi Tin học nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán-tin trở lên.

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức năm 2019

4.1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần I (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thi tuyển của từng vị trí việc làm của Phòng/Chi cục thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh mà thí sinh đã đăng ký dự tuyển.

4.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần I (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng

công chức quyết định người trúng tuyển theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

4.3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. TUYỂN DỤNG THÔNG QUA XÉT TUYỂN

1. Đối tượng xét tuyển

Người đăng ký dự tuyển, tình nguyện có đơn cam kết làm việc từ 05 năm trở lên tại 6 Chi cục Thống kê huyện đảo được tuyển dụng thông qua xét tuyển vào vị trí thống kê kinh tế ngạch thống kê viên.

2. Nội dung xét tuyển công chức: Xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

2.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự xét tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu phù hợp người dự tuyển được tham dự Vòng 2 quy định tại Mục 2.2 Phần V dưới đây.

2.2. Vòng 2:

- Phòng vấn kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn của người dự xét tuyển;
- Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100;
- Thời gian phỏng vấn 30 phút;
- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức

3.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần I (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu xét tuyển tại vị trí việc làm của Chi cục Thống kê thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh nơi thí sinh đăng ký dự tuyển.

3.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần I (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng, khi đó người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

3.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VI. DANH SÁCH THÍ SINH CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển, xét tuyển công chức năm 2019 sẽ được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <http://www.gso.gov.vn>.

2. Thời gian thi tuyển, thời gian phỏng vấn xét tuyển, địa điểm thi tuyển, địa điểm phỏng vấn xét tuyển sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <http://www.gso.gov.vn> đồng thời gửi giấy triệu tập cho thí sinh có đủ điều kiện dự thi tuyển, xét tuyển theo địa chỉ thí sinh đã đăng ký (dự kiến trong tháng 6/2019).

3. Kết quả điểm thi và kết quả trúng tuyển sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <http://www.gso.gov.vn> đồng thời gửi cho thí sinh theo địa chỉ thí sinh đã đăng ký.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Môn thi kiến thức chung

a) Đối với thí sinh dự tuyển công chức: Hiến pháp năm 2013; Luật Cán bộ công chức năm 2008; Luật thống kê số 89/2015/QH13; Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê; Quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thống kê...

2. Môn thi chuyên ngành

2.1. Chuyên ngành Thống kê: Giáo trình Lý Thuyết Thống kê, Nhà Xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân năm 2013; Giáo trình Thống kê kinh tế, Nhà Xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân năm 2013...

2.2. Chuyên ngành Kế toán: Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các văn bản pháp luật quy định về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính đối với cơ quan nhà nước; Giáo trình Tài chính công...

2.3. Chuyên ngành Công nghệ thông tin: Ngôn ngữ lập trình, thuật toán; Cơ sở dữ liệu; Mạng máy tính...

2.4. Chuyên ngành Văn thư: Luật lưu trữ; giáo trình Văn thư của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, Nhà Xuất bản Lao động năm 2016; giáo trình Lý luận và phương pháp công tác lưu trữ của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, Nhà Xuất bản Lao động năm 2016; các văn bản pháp luật quy định về công tác về văn thư, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, quản lý và sử dụng con dấu; quy định của Tổng cục Thống kê về ban hành Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của ngành Thống kê, công tác lưu trữ của cơ quan Tổng cục Thống kê...

Ngoài những tài liệu tham khảo nêu trên, thí sinh dự tuyển cần chủ động tìm đọc, nghiên cứu và tìm hiểu trên các trang thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, Tổng cục Thống kê và sách chuyên ngành tại các trường Đại học về những nội dung liên quan đến vị trí cần tuyển.

3. Tổng cục Thống kê không tổ chức lớp ôn thi và không chịu trách nhiệm đối với lớp ôn thi do tổ chức, cá nhân thực hiện.

VIII. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Thông tin cụ thể liên quan đến kỳ tuyển dụng thí sinh liên lạc theo địa chỉ:

- Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê;
- Địa chỉ: Số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội;
- Điện thoại: 024. 73046666, máy lẻ 5007, 5008, 5010./


Nơi nhận:

- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Trung (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Vụ TCCB BKHĐT;
- Trang Thông tin điện tử của TCTK (để đăng tin);
- Cục TK cấp tỉnh có chỉ tiêu tuyển dụng (để t/h);
- Các đơn vị thuộc TCTK: Vụ TCCB, KHTC, VPTC (để t/h);
- Lưu: VT, TCTK (5b).

TL.BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ



Nguyễn Bích Lâm


CHỈ TIÊU THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C NĂM 2019 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 23/TB-BKHĐT ngày 03/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí việc làm	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu tuyển dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng						467	
1		Hà Nội				4	
	1	Huyện Sóc Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Huyện Gia Lâm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Thường Tín	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Huyện Phú Xuyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
2		Hà Giang				3	
	1	Huyện Hoàng Su Phì	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Huyện Yên Minh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Xín Mần	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
3		Cao Bằng				3	
	1	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Huyện Trùng Khánh	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
4		Bắc Kạn				3	
	1	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Na Rì	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
5		Tuyên Quang				5	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1	
6		Lào Cai				3	
	1	Tp Lào Cai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	

	2	Huyện Bát Xát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Bắc Hà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
7		Điện Biên				12
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
	6	TP Điện Biên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Mường Chà	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	2
	9	Huyện Điện Biên Đông	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Mường Ảng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
8		Lai Châu				3
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1
9		Sơn La				19
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2
	4	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	6	TP Sơn La	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Mường La	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Bắc Yên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Phù Yên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	11	Huyện Mộc Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	12	Huyện Mai Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	13	Huyện Sông Mã	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	14	Huyện Sốp Cộp	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
10		Hòa Bình				5
	1	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Huyện Lương Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Tân Lạc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Huyện Lạc Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1

11	5	Huyện Kim Bôi	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
		Thái Nguyên				3
	1	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thông kê xây dựng, vốn đầu tư	Thông kê viên	Đại học	1
	2	Huyện Định Hóa	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Võ Nhai	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
12		Lạng Sơn				4
	1	TP Lạng Sơn	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	2	Huyện Cao Lộc	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Lộc Bình	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	4	Huyện Hữu Lũng	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
13		Quảng Ninh				8
	1	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thông kê công nghiệp	Thông kê viên	Đại học	2
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thông kê dân số, văn xã	Thông kê viên	Đại học	2
	3	Huyện Tiên Yên	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	4	Huyện Hải Hà	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
14		Bắc Giang				2
	1	Huyện Sơn Đông	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	2	Huyện Lục Ngạn	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
15		Phú Thọ				2
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	2	Huyện Cẩm Khê	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
16		Bắc Ninh				1
	1	Huyện Thuận Thành	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
17		Hải Dương				1
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1
18		Hưng Yên				4
	1	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thông kê dân số, văn xã	Thông kê viên	Đại học	1
	2	TP Hưng Yên	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Ân Thi	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	4	Huyện Tiên Lữ	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
19		Nam Định				3
	1	Huyện Ý Yên	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	2	Huyện Giao Thủy	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Hải Hậu	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
20		Thanh Hoá				1
	1	Huyện Tĩnh Gia	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
21		Nghệ An				4
	1	Huyện Kỳ Sơn	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1

22	2	Huyện Quê Phong	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	3	Huyện Quý Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	Hà Tĩnh					3
23	1	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
Quảng Bình					4	
24	1	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
Quảng Trị					3	
25	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Hướng Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
Thừa Thiên-Huế					4	
26	1	TX Hương Trà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	2	TX Hương Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Nam Đông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
4	Huyện Phú Lộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
Đà Nẵng					2	
27	1	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Quận Thanh Khê	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	Quảng Nam					14
28	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1
4	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
5	Huyện Nam Giang	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
6	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
7	Huyện Hiệp Đức	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
8	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
9	Huyện Bắc Trà My	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
10	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	2	
11	Huyện Phú Ninh	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
Quảng Ngãi					19	
28	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1

	4	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1	Không có Phòng Thanh tra
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	7	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	8	Huyện Tư Nghĩa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Huyện Sơn Tây	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	11	Huyện Minh Long	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	12	Huyện Nghĩa Hành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	13	Huyện Mộ Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	14	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	15	Huyện Ba Tơ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
29		Bình Định				5	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
30		Phú Yên				5	
	1	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	TP Tuy Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
31		Khánh Hòa				4	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1	
			Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	2	Huyện Khánh Vĩnh	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Diên Khánh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
32		Ninh Thuận				5	
	1	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Bác Ái	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Huyện Ninh Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Huyện Ninh Hải	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
33		Bình Thuận				16	
		Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	

	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	6	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	7	TP Phan Thiết	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	8	Huyện Tuy Phong	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	9	Huyện Bắc Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	11	Huyện Hàm Thuận Nam	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	12	Huyện Đức Linh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
34		Kon Tum				6
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Thanh tra	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
			Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1
35		Gia Lai				13
	1	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Thị xã An Khê	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	6	Huyện Đăk Pơ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Phú Thiện	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Ia Pa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Kbang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Kông Chro	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	11	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
36		Đắk Lắk				11
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1
	4	Huyện Ea H'leo	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Krông Buk	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	TX Buôn Hồ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	8	Huyện Krông Năng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Cư Kuin	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Krông Bông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1

37		Đắk Nông				5	
	1	TX Gia Nghĩa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Huyện Đắk Song	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Huyện Đắk R'Lấp	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Huyện Đắk Glông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
38		Lâm Đồng				5	
	1	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Huyện Đơn Dương	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Huyện Đức Trọng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Huyện Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Huyện Đa Huoai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
39		Bình Phước				16	
	1	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
			Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1	
	5	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	TX Phước Long	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Huyện Bù Đăng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	9	Huyện Đông Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Huyện Lộc Ninh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	11	Huyện Hớn Quản	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	12	Huyện Phú Riềng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
40		Tây Ninh				17	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	3	
	3	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	TP Tây Ninh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Huyện Tân Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Huyện Dương Minh Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	7	Huyện Hòa Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	8	Huyện Gò Dầu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	9	Huyện Trảng Bàng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
41		Bình Dương				8	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	

	2	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	5	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Dầu Tiếng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Bắc Tân Uyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
42		Đồng Nai				11
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	2	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Huyện Vĩnh Cửu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	5	TX Long Khánh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Cẩm Mỹ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	7	Huyện Xuân Lộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Định Quán	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Tân Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
43		Bà Rịa-Vũng Tàu				8
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Huyện Châu Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	5	TP Bà Rịa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	6	Huyện Xuyên Mộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
44		TP Hồ Chí Minh				30
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Quận 2	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	4	Quận 4	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Quận 5	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3
	6	Quận 6	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Quận 10	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Quận 11	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	10	Quận Thủ Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	11	Quận Phú Nhuận	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	12	Quận Tân Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	13	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	14	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3

	15	Huyện Hóc Môn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	16	Huyện Bình Chánh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	17	Huyện Nhà Bè	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	18	Huyện Cần Giuộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
45		Long An				28
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2
	5	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
	6	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	7	TP Tân An	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	8	TX Kiến Tường	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Vĩnh Hưng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Mộc Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	11	Huyện Tân Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	12	Huyện Thanh Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	13	Huyện Đức Huệ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	14	Huyện Đức Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	15	Huyện Bến Lức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	16	Huyện Thủ Thừa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	17	Huyện Tân Trụ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	18	Huyện Cần Đước	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	19	Huyện Cần Giuộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	20	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
46		Tiền Giang				10
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	6	TX Gò Công	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Tân Phước	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Cái Bè	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	9	Huyện Chợ Gạo	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
47		Bến Tre				11
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
			Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1

	2	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	3	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	4	Huyện Mô Cày Nam	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	5	Huyện Mô Cày Bắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Giồng Trôm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Bình Đại	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Ba Tri	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Thạnh Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
48		Trà Vinh				13
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	2	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	3	TP Trà Vinh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	4	Huyện Càng Long	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	5	Huyện Cầu Kè	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Cầu Ngang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	7	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	8	Huyện Duyên Hải	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	TX Duyên Hải	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
49		Vĩnh Long				7
	1	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2
	2	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	2
	4	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1
50		Đồng Tháp				17
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2
	4	Phòng Thống kê Thương mại	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2
	5	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	2
	6	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1
	7	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1
	8	TX Hồng Ngự	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Hồng Ngự	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2
	10	Huyện Tam Nông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	11	Huyện Cao Lãnh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	12	Huyện Lấp Vò	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
	13	Huyện Lai Vung	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1
51		An Giang				8

	1	TP Long Xuyên	Thông kê Kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	2	TP Châu Đốc	Thông kê Kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	3	Huyện An Phú	Thông kê Kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	4	TX Tân Châu	Thông kê Kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	5	Huyện Tịnh Biên	Thông kê Kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Châu Thành	Thông kê Kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
52		Kiên Giang				15
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thông kê viên	Đại học	2
	2	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thông kê dân số, văn xã	Thông kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thông kê xây dựng, vốn đầu tư	Thông kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thông kê viên	Đại học	1
	5	TP Hà Tiên	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Kiên Lương	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Châu Thành	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Giồng Riềng	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	9	Huyện An Biên	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	10	Huyện An Minh	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	11	Huyện Vĩnh Thuận	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	12	Huyện U Minh Thượng	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
53		Cần Thơ				2
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch chuyên viên	Đại học	1
	2	Huyện Phong Điền	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
54		Hậu Giang				12
	1	Phòng Thống kê Công Thương	Thông kê công nghiệp	Thông kê viên	Đại học	2
	2	TP Vị Thach	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	3
	3	TX Ngã Bảy	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	4	Huyện Châu Thành A	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	5	Huyện Phụng Hiệp	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Vị Thùv	Thông kê xã hội	Thông kê viên	Đại học	1
	7	TX Long Mỹ	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
55		Sóc Trăng				16
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thông kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thông kê nông nghiệp	Thông kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thống kê Công Thương	Thông kê công nghiệp	Thông kê viên	Đại học	2
	4	TP Sóc Trăng	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	5	TX Ngã Năm	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	6	TX Vĩnh Châu	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Châu Thành	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1

	8	Huyện Kế Sách	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Lạng Phú	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	10	Huyện Trần Đề	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	2
	11	Huyện Thạch Trị	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	12	Huyện Mỹ Xuyên	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
56		Bạc Liêu				10
	1	Phòng Thông kê Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thông kê viên	Đại học	2
	2	Phòng Thông kê Dân số - Văn xã	Thông kê dân số, văn xã	Thông kê viên	Đại học	1
	3	Phòng Thông kê Công Thương	Thông kê công nghiệp	Thông kê viên	Đại học	3
	4	Phòng Thanh tra Thông kê	Công nghệ thông tin thông kê	Thông kê viên	Đại học	1
	5	Huyện Phước Long	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Vĩnh Lợi	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	7	TX Giá Rai	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
57		Cà Mau				11
	1	Phòng Thông kê Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thông kê viên	Đại học	1
	2	Phòng Thông kê Nông nghiệp	Thông kê nông nghiệp	Thông kê viên	Đại học	2
	3	Phòng Thông kê Công nghiệp và Xây dựng	Thông kê công nghiệp	Thông kê viên	Đại học	1
	4	Phòng Thông kê Thương mại	Thông kê thương mại	Thông kê viên	Đại học	1
	5	Phòng Thanh tra Thông kê	Công nghệ thông tin thông kê	Thông kê viên	Đại học	1
	6	Huyện Thới Bình	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1
	7	Huyện Cái Nước	Thông kê xã hội	Thông kê viên	Đại học	1
	8	Huyện Phú Tân	Thông kê xã hội	Thông kê viên	Đại học	1
	9	Huyện Nam Căn	Thông kê xã hội	Thông kê viên	Đại học	1
	10	Huyện Ngọc Hiển	Thông kê kinh tế	Thông kê viên	Đại học	1

CHỈ TIÊU THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI D NĂM 2019 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 23/TB-BKHDT ngày 3/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí việc làm	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu tuyển dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng						62	
1		Cao Bằng				5	
	1	Huyện Trùng Khánh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Huyện Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	3	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	2	
	4	Huyện Phục Hòa	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
2		Tuyên Quang				1	
	1	TP Tuyên Quang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
3		Lào Cai				1	
	1	Huyện Bảo Yên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
4		Điện Biên				4	
	1	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	TX Mường Lay	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	3	Huyện Tủa Chùa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	4	Huyện Tuần Giáo	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
5		Sơn La				2	
	1	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Huyện Sông Mã	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
6		Yên Bái				1	
	1	Huyện Yên Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
7		Hòa Bình				3	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1	
	2	Huyện Mai Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	3	Huyện Lạc Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
8		Lạng Sơn				4	

	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
	2	Huyện Đình Lập	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	3	Huyện Tràng Định	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	4	Huyện Văn Quan	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
9		Quảng Ninh				1
	1	Phòng Thông kê Công nghiệp và Xây dựng	Thông kê công nghiệp	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
10		Phú Thọ				3
	1	Huyện Hạ Hòa	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	2	Huyện Thanh Ba	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	3	Huyện Đoan Hùng	Thông kê xã hội	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
11		Bắc Ninh				1
	1	Huyện Lương Tài	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
12		Nam Định				1
	1	Huyện Xuân Trường	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
13		Thanh Hoá				1
	1	Huyện Lang Chánh	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
14		Thừa Thiên-Huế				1
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
15		Quảng Nam				1
	1	Huyện Đông Giang	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
16		Quảng Ngãi				1
	1	Huyện Sơn Tịnh	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
17		Phú Yên				1
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
18		Khánh Hòa				2
	1	Phòng Thông kê Dân số - Văn xã	Thông kê dân số, văn xã	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	2	TX Ninh Hòa	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
19		Gia Lai				4
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
	2	Huyện Phú Thiện	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	3	Huyện Kông Chro	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	4	TP Pleiku	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
20		Đắk Lắk				1
	1	Huyện Cư Mgar	Thông kê kinh tế	Thông kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1

21		Đắk Nông				1
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
22		Tây Ninh				1
	1	Huyện Tân Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
23		Bình Dương				6
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	3	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	4	TP Thủ Dầu Một	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	5	TX Bến Cát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	2
24		Đồng Nai				3
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
	2	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	3	Huyện Long Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
25		Bà Rịa-Vũng Tàu				1
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
26		Tiền Giang				1
	1	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
27		Trà Vinh				1
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ngạch cán sự	Cao đẳng	1
28		Vĩnh Long				1
	1	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
29		Đồng Tháp				2
	1	Huyện Tân Hồng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	2	Huyện Tháp Mười	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
30		Hậu Giang				1
	1	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
31		Sóc Trăng				1
	1	Phòng Thống kê Công Thương	Thống kê thương mại	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
32		Bạc Liêu				4
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	2	Phòng Thống kê Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	3	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1
	4	Huyện Hòa Bình	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1

CHỈ TIÊU XẾP TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C NĂM 2019 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 23/TB-BKHĐT ngày 03/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí việc làm	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu tuyển dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng						8	
1		Quảng Ninh				1	
	1	Huyện Vân Đồn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
2		Quảng Trị				1	
	1	Huyện Cồn Cỏ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
3		Bình Thuận				1	
	1	Huyện Phú Quý	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
4		Bà Rịa-Vũng Tàu				2	
	1	Huyện Côn Đảo	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
5		Kiên Giang				3	
	1	Huyện Phú Quốc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Huyện Kiên Hải	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	

III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự thi tuyển;
- (2) Ghi đúng tên Phòng/Chi cục thuộc Cục Thống kê có chỉ tiêu thi tuyển;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.
- (4) Liệt kê Bằng cấp, chứng chỉ Tiếng Anh, Tin học

III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự xét tuyển;
- (2) Ghi đúng tên Phòng/Chi cục thuộc Cục Thống kê có chỉ tiêu xét tuyển;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.
- (4) Liệt kê Bằng cấp, chứng chỉ Tiếng Anh, Tin học

DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2019

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày sinh:

Vị trí đăng ký dự tuyển:

Trình độ đăng ký dự tuyển:

Phòng/Chi cục Thống kê:

Cục Thống kê tỉnh, thành phố

TT	Các tiêu chuẩn theo yêu cầu	Có	Không	Ghi chú
1	Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu			
2	Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật (có dán ảnh, có dấu giáp lai ảnh) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển			Chỉ chấp nhận sơ yếu lý lịch có dán ảnh, có dấu giáp lai ảnh, có xác nhận
3	Bản sao Giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			
4	Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực như sau:			Nếu văn bằng chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và Bảng phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định tại thông báo
4.1	Bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm đăng ký dự tuyển. Hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp của cơ sở đào tạo trong thời gian chờ cấp bằng chính thức			
4.2	Phiếu điểm kết quả học tập;			
4.3	Chứng chỉ Ngoại ngữ			
4.4	Chứng chỉ Tin học văn phòng			
5	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh) do cơ sở y tế đa khoa cấp huyện và tương đương trở lên cấp trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;			Chỉ chấp nhận bản chính, có dán ảnh
6	Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			
7	Bốn (04) phong bì dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận và số điện thoại liên lạc			Địa chỉ rõ ràng để Hội đồng gửi Giấy triệu tập, Kết quả thi, kết quả trúng tuyển
8	Hai (02) ảnh màu cỡ 4x6 mới chụp trong vòng 06 tháng trở lại đây.			
9	Cam kết làm việc từ 5 năm trở lên tại vị trí xét tuyển			Đối với các trường hợp đăng ký dự xét tuyển

Ghi chú: Đề nghị sắp xếp Hồ sơ theo đúng thứ tự trên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 2019

BẢN CAM KẾT
LÀM VIỆC TỪ 5 NĂM TRỞ LÊN
TẠI CHI CỤC THỐNG KÊ HUYỆN ĐÀO

Kính gửi:

- Tổng cục Thống kê;
- Cục Thống kê tỉnh.....

Tôi tên là: Nam, Nữ:

Sinh ngày:.....

Quê quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại liên lạc:.....

Trình độ đào tạo:.....

Chuyên ngành đào tạo:.....

Trình độ Ngoại ngữ..... Trình độ Tin học:.....

Tôi xin đăng ký dự xét tuyển vào vị trí....., Chi cục Thống kê huyện..... thuộc Cục Thống kê tỉnh

Nếu được tuyển dụng vào vị trí xét tuyển trên, tôi cam kết như sau:

- Công tác lâu dài tại Chi cục Thống kê được xét tuyển từ 5 năm trở lên;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước đối với công chức; các quy định của Cục Thống kê và Tổng cục Thống kê;
- Chấp hành sự phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo đơn vị.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)